

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 08 / CTCPĐN-CBTT

An Giang, ngày 13 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG NĂM 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.
2. Tên tiếng Anh: An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company.
3. Trụ sở chính: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
4. Điện thoại: 0296.3856100 Fax: 0296.3857800

Nội dung thông tin công bố :

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.

(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2021)

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT



Lương Văn bạ

Nơi nhận :

- Như trên;
- Đăng Website Cty;
- Lưu : VT, KH-KD./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

*821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NĂM 2021**

Tháng 04/2022



Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CTY CP ĐIỆN NƯỚC
AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày ... tháng ... năm 2022

Số: .../BC-....

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện nước An Giang.
 - Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2021.
 - Vốn điều lệ: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng)
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng)
 - Căn cứ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020 số 863/CTYCPĐN.KH-KD ngày 15/10/2021. Vốn điều lệ: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Tăng 26.821.220.000 đồng so với vốn điều lệ ban đầu.
 - Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Số điện thoại: 0296.3856100.
 - Số fax: 0296.3857800.
 - Website: <http://diennuocag.com.vn/>
 - Mã cổ phiếu (nếu có): DNA
- Quá trình hình thành và phát triển**

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 và thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống điện; Kinh doanh, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời;...(lấy đúng theo Giấy đăng ký DN thay đổi lần thứ 7)

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là ở tỉnh An Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

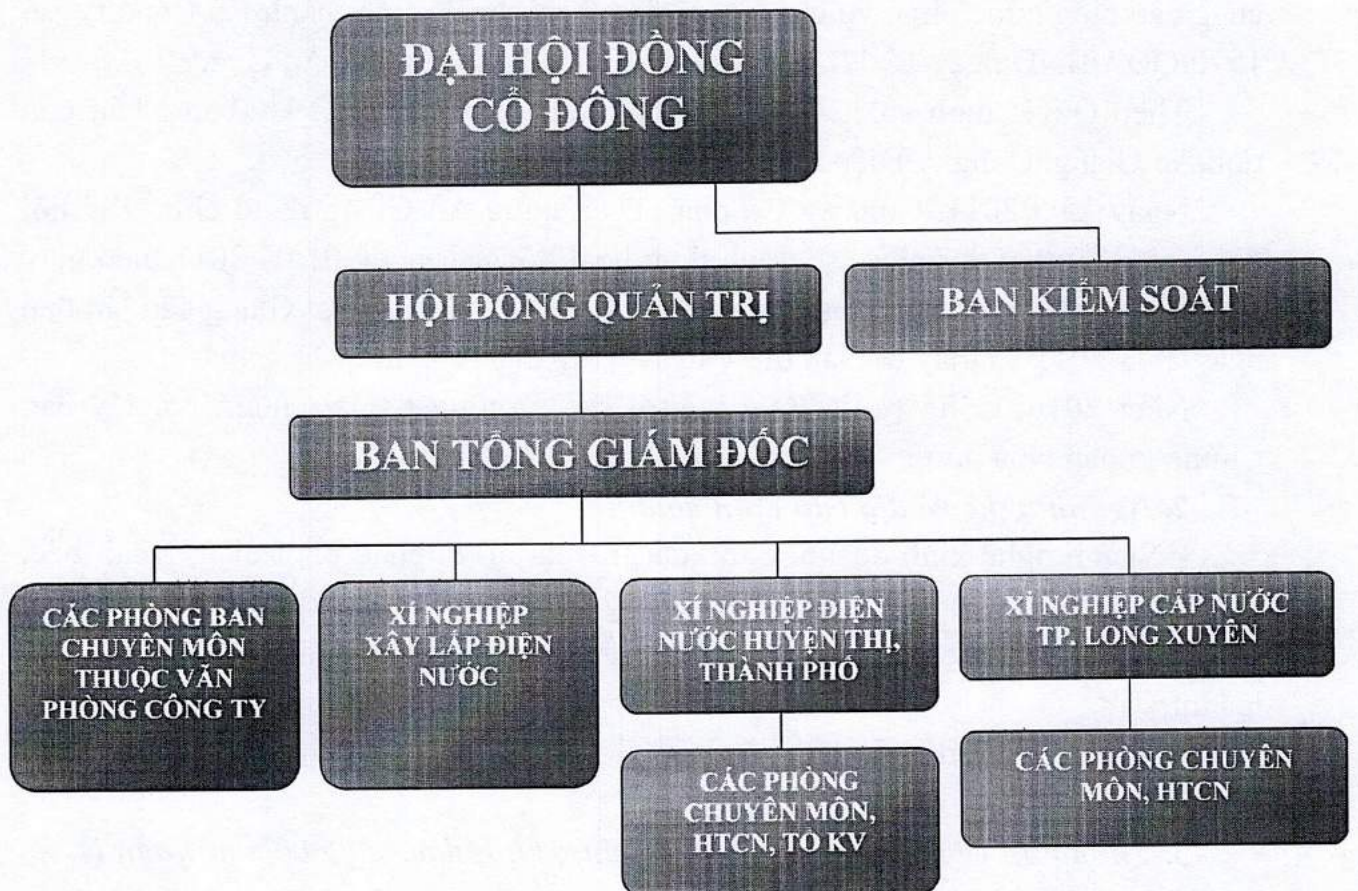
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc.

- Công ty: gồm 13 phòng, ban chức năng.
- Khối Xí nghiệp gồm 12 đơn vị:
 - + 10 Xí nghiệp Điện Nước huyện, thị, thành;
 - + Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên;
 - + Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



✦ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo qui định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm.

▪ **Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

HĐQT hiện nay gồm 07 thành viên:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông: Lương Văn Bạ | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: Lê Việt Anh | Thành viên, Tổng Giám đốc |
| 3. Ông: Trần Thanh Hoàng | Thành viên chuyên trách |
| 4. Ông: Lê Thành Bửu | Thành viên chuyên trách |
| 5. Ông: Lâm Thành Quang | Thành viên chuyên trách |
| 6. Ông: Trần Nhất Trí | Thành viên, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên. |
| 7. Ông: Nguyễn Tuấn Huy | Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn |

▪ **Ban kiểm soát:**

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Châu | - Trưởng ban |
| 2. Ông: Trần Lê Minh Hoan | - Thành viên |
| 3. Ông: Châu Minh Tú | - Thành viên |

▪ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch HĐQT Công ty. Chủ tịch HĐQT công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của Công ty.

▪ **Các phòng ban chuyên môn thuộc Công ty và các chi nhánh của công ty**

- Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.
- Công ty: có 13 phòng, ban gồm:
 - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Kỹ thuật điện
 - + Phòng Kỹ thuật nước
 - + Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường
 - + BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Châu Đốc

- + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên
- + Phòng Vật tư
- + Phòng Quản Lý Khách Hàng
- + Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương
- + Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước
- + Phòng Pháp Chế.
- Khối Xí nghiệp: bao gồm 12 xí nghiệp trực thuộc:
 - + XN Cấp Nước TP. Long Xuyên: kinh doanh trên địa bàn TP. Long Xuyên;
 - + XN Điện Nước TP. Châu Đốc: kinh doanh trên địa bàn TP. Châu Đốc;
 - + XN Điện Nước Châu Phú: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú;
 - + XN Điện Nước huyện Chợ Mới: kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới;
 - + XN Điện Nước huyện Phú Tân: kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân;
 - + XN Điện Nước huyện An Phú: kinh doanh địa bàn huyện An Phú;
 - + XN Điện Nước Tịnh Biên: kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên;
 - + XN Điện Nước huyện Tri Tôn: kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn;
 - + XN Điện Nước TX. Tân Châu: kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu;
 - + XN Điện Nước Châu Thành: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành;
 - + XN Điện Nước Thoại Sơn: kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn;
 - + XN Xây Lắp Điện Nước: xây lắp các công trình điện nước.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty và tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu Công ty, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên cấp quản lý, nâng cao ý thức làm việc cũng như tay nghề của lực lượng người lao động.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

+ Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

5. Các rủi ro

⚡ Rủi ro kinh tế:

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi chậm, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Mặt khác, dịch CoVid 19 vẫn còn, đặc biệt An Giang là tỉnh có nhiều khu vực giáp biên giới CAMPUCHIA. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng tiềm ẩn những rủi ro nhất định về sự tăng trưởng.

Rủi ro luật pháp:

Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập, điều này khiến môi trường kinh doanh của các Doanh nghiệp cũng thay đổi nhiều. Đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Điện nước An Giang nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyên đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình. Điển hình như Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư; Luật Chứng Khoán; Chỉ thị của Chính phủ về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; thị trường bán lẻ điện cạnh tranh sắp hình thành;...

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty,... sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Những chỉ tiêu đã đạt được:

ST T	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% tăng /giảm
1	Sản lượng điện tiêu thụ	kWh	759.011.46 3	780.116.67 7	102.78
2	Tỷ lệ hao hụt điện	%	5.29	4.91	(0.38)
3	Phát triển khách hàng điện	hộ	14.361	11.640	81.05
4	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	78.341.582	81.228.352	103.68

5	Tỷ lệ hao hụt nước	%	18.95	19.31	0.36
6	Phát triển khách hàng nước	hộ	19.633	21.323	108.61

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

✚ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020.
2	Trần Nhật Trí	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
4	Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022.
5	Trần Việt Hải	Kế toán trưởng- Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022.

✚ Lý lịch thành viên Ban điều hành:

✚ LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 15/5/1972
 - CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
 - Trình độ văn hóa: TNPT
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

Từ 1995 – 2000	Chuyên viên phòng Kinh doanh
Từ 2001 – 2003	Phó phòng Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Quyền Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2004 – 10/2005	Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành
Từ 11/2005 – 03/2011	Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 04/2011-12/2012	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 2013 - 8/2014	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới
Từ 8/2014 – 12/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.
Từ 12/2020- nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.968.904,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,82%% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: **27.432** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,049% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4. 941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,77% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN NHẬT TRÍ

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 22/12/1970

- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2005 – 03/2011	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 4/2011 – 2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc
Từ 2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.955.246,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.80% vốn điều lệ

- Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.774 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.024 % vốn điều lệ

+ Cổ phần đại diện sở hữu: : 4.941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77 % vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.735 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.735 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THANH XUÂN

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 24/02/1967

- CMND: 350724248 ; Ngày cấp 01/08/2019 ; Nơi cấp AG

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: số 1852 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
1984-1986	- Nhân viên Văn thư, Trường phổ thông cơ sở B Mỹ Hiệp,

	huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
1987-1989	- Nhân viên cung ứng, Công Ty xây dựng huyện Chợ Mới
1989-1990	- Nhân viên cung ứng Xí nghiệp Nhà lắp ghép Công Ty chăn nuôi An Giang
1991-1993	(Công Ty Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang)
1993-1994	- Phụ trách Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp
1995-1997	- Phụ trách Quản đốc Phân xưởng chế biến nông sản
1998-2009	- Phụ trách Phó giám đốc Xí nghiệp xuất khẩu lương thực
02/2010- 03/2011	- Phó Bí Thư Đảng ủy Công Ty, Giám đốc Xí nghiệp xuất khẩu lương thực
24/08/2015->	- Phó Bí Thư Đảng ủy, Phó giám đốc Công Ty XNK Nông sản thực phẩm An Giang
27/12/2018	- Ban chấp hành Đảng bộ khối Doanh nghiệp, khóa VIII (nhiệm kỳ 2015-2020).
04/2011- 06/2016	- Phó Bí Thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Công Ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang.
07/2016- 2/2021	- Bí thư đảng ủy, Tổng giám đốc Công Ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang. - Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Điện Nước An Giang
23/07/2021-> nay	

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Cty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/05/1971
- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1996 – 1999	Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang
1999 đến 2012	Phó phòng kế toán Công Ty ĐN An Giang
2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2.315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.315 cp, chiếm tỉ lệ : 0,004 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

Bảng số 1: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	291	21
Cao đẳng, Trung cấp	593	42
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	292	21

Tốt nghiệp phổ thông	224	16
Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	4	0
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.066	76
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	330	24
Phân loại theo giới tính		
- Nam	1.148	82
- Nữ	252	18

☛ Chính sách lương thưởng:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Xây dựng quỹ tiền lương theo đúng quy định của Nhà nước (xây dựng mức tiền lương theo năng suất lao động).

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 2: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	1.471.811.213.853	1.534.823.918.212	4,28
Doanh thu thuần	1.846.071.149.143	1.923.782.893.830	4,21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	134.178.119.419	119.522.852.007	(10,92)

Lợi nhuận khác	26.039.961.742	19.062.618.926	(26,79)
Lợi nhuận trước thuế	160.218.081.161	138.585.470.933	(13,50)
Lợi nhuận sau thuế	128.057.828.116	110.721.214.097	(13,54)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ	15%	15%	0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,36	1,24
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,20	1,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,17	46,41
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	85,77	86,62
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	34,73	35,15
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,95	1,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,9	5,8
+ Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	7,27	6,21
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,16	13,46
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	8,7	7,2

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 56.329.567 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 56.040.161 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 289.406 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 14/10/2021.

Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước			
1.1	Tổ chức:	8	50.328.311	89,34%
	Cổ đông Nhà nước	1	49.414.727	87.72%
	Cổ đông chiến lược	7	913.584	1,62%
1.2	Cá nhân:	587	5.989.680	10,64%
	Cổ đông ngoài	156	3.458.911	6,14%
	Cổ đông trong Công ty	431	2.530.769	4,50%
2	Cổ đông nước ngoài	01	11.576	0.020%
2.1	Tổ chức	01	11.576	0.020%
2.2	Cá nhân	00	0	
3	Cổ phiếu quỹ	00	0	
Tổng Cộng		596	56.329.567	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nội dung	Số lượng số phần trước khi thay đổi	Số lượng số phần thay đổi trong kỳ	Số lượng số phần sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Cổ đông Nhà nước	47.061.645	2.353.082	49.414.727	Nhà nước nhận 5% cổ tức 2020.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên vật liệu chính	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Phèn PAC	Kg	1.469.899
2	Clor (bột + lỏng)	Kg	295.953
3	Điện SX	kWh	37.339.404
4	Dầu DO (chạy MFĐ)	lít	30.000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Điện SX từ nguồn Năng lượng mặt trời lắp đặt tại HTCN Tri Tôn (Công suất 20KWp, vận hành từ tháng 04/2018), HTCN Óc Eo, HTCN Nhà Bàn, HTCN An Phú.

b) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Tổng lượng nước khai thác: 98.651.000 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2019	2020	2021
Lao động bình quân (người)	1.339	1.365	1.400
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8.200.000	8.442.000	8.695.000

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 2h00. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1.

a- Về Kết quả kinh doanh:

T T	NỘI DUNG	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
1	Tổng doanh thu (đồng)	1.966.000.000.000	1.961.130.973.135
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	163.000.000.000	138.585.470.933
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	28,94	24,60

b- Về thực hiện các chỉ tiêu SX-KD:

T T	NỘI DUNG	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So kế hoạch 2021(%)	So cùng kỳ (%)
1	Sản lượng điện mua (kWh)	840.299.000	820.373.074	97.63	102.37
2	Sản lượng điện bán (kWh)	790.200.000	780.116.677	98.72	102.78
3	Hao hụt điện (%)	5.96	4.91	-1.05	-0.38
4	Phát triển khách hàng điện (hộ)	7.800	11.640	149.23	81.05
5	Sản lượng sản xuất (m ³)	102.658.000	100.671.351	98.45	102.42
6	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	83.150.000	81.228.352	97.69	101.39
7	Hao hụt nước (%)	19	19.31	0.31	0.82
8	Phát triển khách hàng nước (hộ)	10.600	21.323	201.16	108.61

1.2. Những công việc công ty đã đạt được:

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành những chủ trương phù hợp với tình hình và điều kiện, khả năng Công ty, đáp ứng những yêu cầu thực tế trong việc đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và kịp thời xử lý những vướng mắc, trở ngại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty;

- Công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp ngày càng tiến bộ, linh hoạt, phát huy tốt các hệ thống điện nước theo hiện trạng sẵn có, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng của khách hàng; công tác vận động nhân dân, địa phương góp sức cùng Công ty đầu tư đường dây hạ thế, mạng ống cấp nước được các Xí nghiệp thực hiện tốt, góp phần tăng số hộ sử dụng điện nước và tăng sản lượng;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: **Bảng số 5: Tình hình tài sản năm 2021**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	353.958.336.956	349.874.244.452
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	70.892.363.426	3.323.687.141
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	177.233.985.468	237.741.316.413
<i>Phải thu khách hàng</i>	140.936.602.461	199.673.192.687
<i>Trả trước cho người bán</i>	28.463.479.611	21.401.290.043

<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	7.833.903.396	17.220.699.201
3. Hàng tồn kho	42.710.154.210	46.983.353.222
4. Tài sản ngắn hạn khác	19.281.833.852	17.985.887.676
Tài sản dài hạn	1.118.631.515.341	1.184.949.673.760
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2. Tài sản cố định	775.691.060.590	1.014.725.561.559
3. Tài sản dở dang dài hạn	233.311.092.989	39.520.613.632
4. Đầu tư tài chính dài hạn	4.084.040.000	5.584.040.000
5. Tài sản dài hạn khác	105.545.321.762	125.119.458.569

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 6: Tình hình công nợ

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	678.700.665.528	712.370.778.933
I. Nợ ngắn hạn	259.102.936.649	282.183.037.523
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	59.443.263.580	51.242.196.851
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	36.835.797.670	46.508.751.062
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.421.448.657	583.286.677
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	26.845.819.500	25.414.017.355
5. Phải trả người lao động	16.370.712.224	17.622.223.450
6. Chi phí phải trả	52.348.587.865	80.555.333.391
7. Phải trả ngắn hạn khác	36.517.392.182	46.328.452.995
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	24.319.914.971	13.928.775.742
II. Nợ dài hạn	419.597.728.879	430.187.741.410

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2021 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng, ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng, ban Công ty xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành Công ty, tăng cường kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Lãnh đạo Công ty.

Có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí sản xuất.

Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để tạo ấn tượng tốt đẹp về Công ty.

Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục xây dựng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Công ty.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện nước An Giang có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm (2021-2026). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Lê Việt Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám đốc
3	Trần Thanh Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
4	Lê Thành Bửu	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
5	Lâm Thành Quang	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
6	Trần Nhất Trí	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên Hội đồng quản trị	Giám đốc xí nghiệp

✦ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

LƯƠNG VĂN BẠ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 1997	Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 2004 – 2006	Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang

Từ 2007 – 3/2011	Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-6/2016	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 6/2016-nay	Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 39.556.669,6 cổ phần, chiếm tỷ lệ 70.22% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 24.888 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,044 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 39.531.781,6 cổ phần, chiếm tỷ lệ 70.18% vốn điều lệ
 - Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 154.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,273% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - + Vợ: Trần Thị Thanh Tuyên, sở hữu cá nhân : 137.525 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,244% vốn điều lệ.
 - + Chị ruột : Lương Thị Kim Hiền , sở hữu cá nhân : 10.187 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% vốn điều lệ.
 - + Em ruột : Lương Thị Cẩm Bình , sở hữu cá nhân : 4.050 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.
 - + Em rể: Lê Thanh Út, sở hữu cá nhân : 2.315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/02/1950
- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị
- Quá trình công tác:

Từ 1993 – 1996	Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang
----------------	------------------------------------

Từ 1997-3/2011	Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 119.697 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 119.697 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 49.082 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,087% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 35.191 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,062% vốn điều lệ.

+ Con rể : Nguyễn Văn Nghiệp ,cổ phần sở hữu cá nhân: 13.891 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ THÀNH BỬU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

Từ 1984 – 1990	Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang
Từ 1990 – 1994	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 1994 – 2001	Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang
Từ 3/2011 – 10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 11/2013-	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện

06/2016	Nước An Giang
Từ 06/2016 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 01/03/2020.	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 15.396 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.027% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 15.396 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,027% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 59.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,105% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 53.713 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,095% vốn điều lệ.

+ Con dâu :Lê Thị Thoa, cổ phần sở hữu cá nhân: 5.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1953

- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Từ 03/1973 – 30/4/1975	Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên
Từ 07/1975 –	Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang

12/1979	
Từ 01/1980 – 4/1994	Văn phòng UBND tỉnh An Giang
Từ 4/1994 – 2011	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 04/2011-10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 11/2013-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.630 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.630 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 22/01/1972

- CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG
Từ 2004 – 3/2011	Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 4/2011-2012	Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 7.639 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 7.639 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

▪ **Các thành viên khác đã nêu trong phần lý lịch Ban điều hành**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *Thư ký Hội đồng quản trị*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	19/01/2021	Thông nhất kết quả sản xuất – kinh doanh 2020, dự thảo kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty, thống nhất kế hoạch lương và thưởng năm 2020.....
2	02/NQ-HĐQT	09/03/2021	Thông nhất kết quả SXKD 02 tháng đầu năm 2021, kế hoạch chi trả cổ tức, thông qua dự thảo nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty, thông qua quy chế quản lý tài chính của công ty.....
3	03/NQ-HĐQT	05/5/2021	Thông nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
4	04/NQ-HĐQT	11/5/2021	Thông nhất ngày cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là ngày: 31/5/2021.
5	06/NQ-HĐQT	12/5/2021	Thông nhất kết quả SXKD 04 tháng đầu năm 2021. Dự thảo Điều lệ công ty. Dự thảo Quy chế nội bộ của công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT....
6	01/NQ-HĐQT	29/6/2021	Công văn số 614/UBND-TH ngày 28/6/2021 về việc cho ý kiến nhân sự bầu tham gia Hội đồng quản trị.
7	02/NQ-HĐQT	12/7/2021	Về việc thống nhất chi trả cổ tức năm 2020.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
8	03/NQ-HĐQT	13/7/2021	Lấy ý kiến về chi tạm ứng khen thưởng 6 tháng đầu năm 2021.
9	04/NQ-HĐQT	23/8/2021	Lấy ý kiến đổi tên phòng Công nghệ thông tin thành phòng Quản lý khách hàng.
10	05/NQ-HĐQT	7/9/2021	Về việc ban hành quy chế công bố thông tin của công ty.
11	06/NQ-HĐQT	20/9/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu.
12	07/NQ-HĐQT	23/9/2021	Về việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp.
13	08/NQ-HĐQT	29/9/2021	Họp thường kỳ Hội đồng quản trị
14	09/NQ-HĐQT	02/11/2021	Họp thường kỳ Hội đồng quản trị
15	10/NQ-HĐQT	03/11/2021	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Châu Minh Tú.	Thành viên BKS
3	Trần Lê Minh Hoan	Thành viên BKS

NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/12/1972
- CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 1999 đến 2011	Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang
2011 đến 20/06/2019	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 21/06/2019 đến nay	Trưởng ban kiểm soát.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN LÊ MINH HOAN

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 08/12/1976.

- CMND: 092076003099; Ngày cấp: 09/08/2018; Nơi cấp: Cần Thơ.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Trung Kiên, Thốt Nốt, Cần Thơ.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ĐKH-CCĐ

Quá trình công tác:

Từ 2007 đến 28/6/2021.	Nhân viên Cty CP Điện Nước An Giang.
Từ 29/06/2021 đến nay.	Thành viên Ban kiểm soát.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0...% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

CHÂU MINH TÚ

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 02/12/1983.
- CMND: .351615936.; Ngày cấp: 21/08/2015; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Khomer
- Địa chỉ thường trú: 596/15A Hà Hoàng Hồ - P.Đông Xuyên –TP. Long Xuyên- tỉnh An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán.

Quá trình công tác:

<i>Từ tháng 12/2002 đến 31/12/2003.</i>	<i>Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Công nhân KT nước.</i>
<i>Tháng 01/2004 đến tháng 03/2007.</i>	<i>Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ :kế toán xí nghiệp.</i>
<i>Tháng 04/2007 đến 20/06/2019</i>	<i>Công tác tại phòng kế toán công ty CP Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ kế toán viên.</i>
<i>Từ 21/06/2019 đến nay</i>	<i>Thành viên Ban Kiểm Soát.</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc

hợp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2021, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2021;

- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

T T	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập và Thù lao (HĐQT,BKS,BGD).Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021
1	Lương Văn Bạ	CT. HĐQT	919.363.236
2	Lê Việt Anh	Tổng GD- TV. HĐQT	674.704.544
3	Trần Nhất Trí	Phó Tổng GD- TV. HĐQT	612.877.026
4	Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng GD	130.000.000
5	Trương Văn Nghiệm	Kế Toán trưởng	371.700.000
6	Trần Thanh Hoàng	TV . HĐQT	344.720.000

7	Lê Thành Bửu	TV . HĐQT	374.860.146
8	Lâm Thành Quang	TV . HĐQT	297.040.000
9	Nguyễn Tuấn Huy	TV . HĐQT	351.779.895
10	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng Ban kiểm soát	223.980.004
11	Trần Lê Minh Hoan	TV. Ban kiểm soát	42.836.400
12	Châu Minh Tú	TV. Ban kiểm soát	94.643.600

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Tên người thực hiện giao dịch	Tên cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2021, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của Công ty.

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp ngân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện đúng theo quy định;

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: **Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (theo phương pháp gián tiếp); **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố thông tin Báo cáo tài chính: <http://diennuocag.com.vn/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



lvb

Lương Văn Bạ